TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **82**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2024
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Nguyễn Văn Quang.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam. Nơi ở hiện tại: G18 KTX2 Samsung T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên *(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)*.

- Bị đơn: Anh Linh Duy L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L kết hôn với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện

S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/11/2016 *(Giấy chứng nhận kết hôn số 22, đăng ký ngày 01/11/2016 tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang)*. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn K, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm không còn, tháng 5/2024 chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Linh Duy L.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do hoàn cảnh kinh tế, con còn nhỏ nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn liên tục cãi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng hiện đang sống ly thân nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Linh Duy L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Linh Xuân T1, sinh ngày 12/4/2018, cháu hiện đang sống cùng chị T. Trường hợp ly hôn chị T có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu trúc, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Linh D có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Linh D và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại, chị T và anh L đang sống ly thân từ năm 2021 đến nay, chị T đã đưa con chung của vợ chồng là cháu Linh Xuân T1 đi sinh sống ở nơi khác, còn anh L làm nghề lao động tự do, hiện không có mặt ở địa phương.

A không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Linh Duy L; về con chung: giao cháu Linh Xuân T1, sinh ngày 12/4/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Bùi Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Linh Duy L và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "*Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Linh Duy L có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L nhưng anh không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Linh Duy L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/11/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị T xác định tình cảm vợ

chồng đã hết, vợ chồng thường cãi nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Linh Duy L.

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện cuộc sống vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đang sống ly thân, hiện tại anh L không có mặt ở địa phương.

Vì vậy, đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Linh Duy L.

- Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L có 01 con chung là Linh Xuân T1, sinh ngày 12/4/2018, cháu hiện đang sống cùng chị T.

Xét thấy, cháu Linh Xuân T1 là con chung của chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Quá trình giải quyết chị T có quan điểm đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh L hiện không có mặt ở địa phương. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, xét nguyện vọng của các đương sự, cần giao cháu Linh Xuân T1, sinh ngày 12/4/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Linh D không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Bùi Thị T và anh Linh Duy L không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Linh Duy L.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 22, đăng ký ngày 01/11/2016 tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang)

2. Về con chung: Giao cháu Linh Xuân T1, sinh ngày 12/4/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Linh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001335 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND huyện Sơn Dương;*
- *Chi cục THADS huyện Sơn Dương;*
- *UBND xã Kháng Nhật;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến